

ISSUED
2/3/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2009)
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên
Ông Lê Huy Chí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2009)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2009)
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2009)
Bà Trương Thị Thanh Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2009)

Ban Giám đốc

Bà Chu Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009)
Ông Trương Đình Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009)
Ông Thang Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)
Ông Phạm Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2009)
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)
Ông Hoàng Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2009)
Ông Trương Hoài Trang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2009)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Số : /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toán phần vào ngày 16 tháng 3 năm 2009.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Nguyễn Minh Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1286/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 01 tháng 03 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		765.034.732.888	537.939.308.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	278.145.536.926	280.725.273.108
1. Tiền	111		128.413.951.123	126.244.835.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		149.731.585.803	154.480.437.269
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	159.659.062.319	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		159.659.062.319	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		185.980.751.526	174.109.737.379
1. Phải thu khách hàng	131		182.898.390.158	142.597.188.124
2. Trả trước cho người bán	132		16.734.177.756	16.815.458.256
3. Phải thu nội bộ	133		-	815.063.901
4. Các khoản phải thu khác	135		3.897.395.872	23.452.114.396
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(17.549.212.260)	(9.570.087.298)
IV. Hàng tồn kho	140	7	34.953.720.351	58.697.475.421
1. Hàng tồn kho	141		34.953.720.351	58.697.475.421
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		106.295.661.766	24.406.823.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.408.053.912	5.210.846.707
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.639.719.598	15.939.098.375
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.484.036.594	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.763.851.662	3.256.878.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		959.710.985.270	544.605.393.906
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(17.035.000)	-
1. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(17.035.000)	-
II. Tài sản cố định	220		877.665.611.693	431.814.026.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	669.990.735.401	419.049.555.696
- Nguyên giá	222		1.190.522.036.290	778.679.980.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(520.531.300.889)	(359.630.424.689)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	193.056.713.562	11.579.419.396
- Nguyên giá	228		214.083.775.805	27.567.395.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.027.062.243)	(15.987.976.393)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		14.618.162.730	1.185.051.261
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.318.932.264	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	5.318.932.264	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		76.743.476.313	112.791.367.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	41.171.559.198	111.204.632.053
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.818.213.101	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.753.704.014	1.586.735.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.724.745.718.158	1.082.544.702.896

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		846.096.367.819	381.984.688.168
I. Nợ ngắn hạn	310		621.117.572.948	334.543.458.683
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	112.754.896.164	-
2. Phải trả người bán	312		282.110.203.088	214.524.583.588
3. Người mua trả tiền trước	313		8.432.412.004	5.820.445.468
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	119.636.173.894	21.518.310.509
5. Phải trả công nhân viên	315		25.185.893.341	18.104.198.010
6. Chi phí phải trả	316		23.006.379.431	9.181.088.936
7. Phải trả nội bộ	317		13.337.486.949	43.859.908.473
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		26.033.934.104	20.333.634.895
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15	10.620.193.973	1.201.288.804
II. Nợ dài hạn	330		224.978.794.871	47.441.229.485
1. Phải trả dài hạn khác	333		879.880.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	91.942.642.959	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		883.419.515	204.962.604
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		131.272.852.397	47.236.266.881
B. VỐN CỔ ĐÔNG (400=410)	400		842.193.768.310	664.998.281.431
I. Vốn cổ đông	410	16	842.193.768.310	664.998.281.431
1. Vốn điều lệ	411		593.977.100.000	424.393.060.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(881.660.000)	(76.180.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.886.929
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	41.775.942.721
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		249.098.328.310	198.900.571.781
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	16	36.455.582.029	35.561.733.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540=300+400+500)	540		1.724.745.718.158	1.082.544.702.896

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.864.851.449.895	1.309.722.197.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.328.590.582	10.538.045.215
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.851.522.859.313	1.299.184.152.149
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	691.707.895.827	557.947.617.564
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.159.814.963.486	741.236.534.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	32.746.807.282	34.991.855.834
7. Chi phí tài chính	22	21	13.972.547.351	10.304.120.143
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.424.055.677</i>	<i>3.672.076.163</i>
8. Chi phí bán hàng	24	22	96.892.518.165	74.643.192.371
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	539.978.405.127	332.580.542.080
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		541.718.300.125	358.700.535.825
11. Thu nhập khác	31		51.036.779.591	1.207.743.326
12. Chi phí khác	32		52.724.034.712	3.019.264.379
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(1.687.255.121)	(1.811.521.053)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40)	60		540.031.045.004	356.889.014.772
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	23	122.554.739.111	94.806.837.704
16. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	62	23	(32.818.213.101)	-
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		450.294.518.994	262.082.177.068
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		40.377.111.999	20.231.045.882
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		409.917.406.995	241.851.131.186
18. Lãi trên cổ phiếu	80	24	7.838	5.902

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	540.031.045.004	356.889.014.772
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	220.706.371.406	120.300.462.090
- Các khoản dự phòng	03	8.657.581.873	6.907.407.253
- Lợi nhuận từ việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số	05	-	(376.048.442)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	1.347.098.570	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(9.677.149.511)	(33.587.842.205)
- Chi phí lãi vay	07	4.424.055.677	3.672.076.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	765.489.003.019	453.805.069.631
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	12.841.446.095	(20.892.646.321)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	23.743.755.070	(39.105.703.888)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(393.477.805.516)	219.146.523.467
- (Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(45.840.947.444)	(4.709.548.396)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.424.055.677)	(3.672.076.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.674.550.204)	(124.257.527.053)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.633.853.472)	(16.030.151.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	314.022.991.871	464.283.940.017
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(368.995.700.115)	(354.195.525.269)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(165.659.062.321)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.920.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	33.587.842.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(534.654.762.436)	(322.527.683.064)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	169.584.040.000	3.875.410.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	33	(1.157.210.000)	(424.180.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34	317.529.520.718	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	(27.915.516.079)	-
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(239.988.800.256)	(62.205.843.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	218.052.034.383	(58.754.613.840)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.579.736.182)	83.001.643.113
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	280.725.273.108	197.723.629.995
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	278.145.536.926	280.725.273.108

Chu Thị Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp số 0103008784 ngày 30 tháng 10 năm 2009, sửa đổi lần 10 của Giấy đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 2.813 (31/12/2008: 1.933).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn cổ đông trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do việc áp dụng đó không ảnh hưởng trọng yếu và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2009 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 4
Thiết bị quản lý	3 - 4
Phương tiện vận chuyển	6
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính và giấy phép được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	Năm 2009 (Số năm)
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuê hoạt động**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn cổ đông.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	5.402.914.926	4.000.467.992
Tiền gửi ngân hàng	123.011.036.197	122.244.367.847
Các khoản tương đương tiền	149.731.585.803	154.480.437.269
	278.145.536.926	280.725.273.108

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	159.659.062.319	-
	159.659.062.319	-

(*) Là hợp đồng Ủy thác cho vay được ký kết vào ngày 14/09/2009 giữa ngân hàng nhận ủy thác (Citibank), Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (bên cho vay) và Công ty Cổ phần FPT (bên vay).

Chi tiết số dư tại 31/12/2009:

STT	Ngày hiệu lực	Số tiền (VND)	Lãi suất (% /năm)	Kỳ hạn từ	Đến ngày
1	9/12/2009	28.450.000.000	14,00%	9/12/2009	11/1/2010
2	12/12/2009	16.000.000.000	14,50%	14/12/2009	14/1/2010
3	21/12/2009	25.000.000.000	16,00%	21/12/2009	21/1/2010
4	28/12/2009	74.900.000.000	18,00%	28/12/2009	28/1/2010
5	30/12/2009	15.000.000.000	18,00%	30/12/2009	2/2/2010
6	Khác (**)	309.062.319			
		159.659.062.319			

(**) Là các khoản cho vay không có kỳ hạn.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	13.963.342.812	258.913.500
Công cụ và dụng cụ	6.689.681.913	36.178.037.806
Hàng hóa mua để bán	14.300.695.626	22.260.524.115
	34.953.720.351	58.697.475.421
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	34.953.720.351	58.697.475.421

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngoc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	24.780.404.790	632.969.154.215	2.202.427.199	117.458.999.046	1.268.995.135	778.679.980.385
Tăng trong năm	32.376.518.162	312.145.545.058	19.970.197.851	146.632.682.007	129.633.290	511.254.576.368
Tăng do mua sắm	32.376.518.162	310.260.177.428	19.182.658.941	141.033.409.040	129.633.290	502.982.396.861
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.526.748.097	-	11.500.000	-	1.538.248.097
Tăng khác	-	358.619.533	787.538.910	5.587.772.967	-	6.733.931.410
Giảm trong năm	2.798.086.568	40.734.545.148	855.487.231	55.003.394.384	21.007.132	99.412.520.463
Thanh lý, nhượng bán	77.310.280	11.277.223.014	-	43.749.698.234	16.915.248	55.121.146.776
Giảm khác	2.720.776.288	29.457.322.134	855.487.231	11.253.696.150	4.091.884	44.291.373.687
Tại ngày 31/12/2009	54.358.836.384	904.380.154.125	21.317.137.819	209.088.286.669	1.377.621.293	1.190.522.036.290
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	330.405.397	298.930.211.539	762.161.437	59.338.040.161	269.606.155	359.630.424.689
Tăng trong năm	2.164.624.860	103.571.513.519	2.475.005.143	107.450.883.860	68.560.759	215.730.588.141
Khấu hao trong năm	2.164.624.860	103.570.899.371	2.475.005.143	107.385.945.595	68.560.759	215.665.035.728
Tăng khác	-	614.148	-	64.938.265	-	65.552.413
Giảm trong năm	39.451.558	24.969.010.563	9.012.192	29.795.520.360	16.717.268	54.829.711.941
Thanh lý, nhượng bán	29.493.313	8.670.540.977	-	23.411.086.409	12.625.384	32.123.746.083
Giảm khác	9.958.245	16.298.469.586	9.012.192	6.384.433.951	4.091.884	22.705.965.858
Tại ngày 31/12/2009	2.455.578.699	377.532.714.495	3.228.154.388	136.993.403.661	321.449.646	520.531.300.889
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	51.903.257.685	526.847.439.630	18.088.983.431	72.094.883.008	1.056.171.647	669.990.735.401
Tại ngày 31/12/2008	24.449.999.393	334.038.942.676	1.440.265.762	58.120.958.885	999.388.980	419.049.555.696

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm 180 tỷ đồng giá trị thiết bị kết nối, cáp các loại, thiết bị hạ tầng được mang đi thế chấp cho hợp đồng vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội theo hợp đồng thế chấp số 106.09.058.247208.DB ngày 8 tháng 12 năm 2009 để đảm bảo cho khoản vay trung hạn có hạn mức 120 tỷ. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào tháng 6/2011 như đã trình bày tại thuyết minh số 14.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là khoảng 232.610 triệu đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giấy phép và quyền khai thác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	25.152.860.967	2.414.534.822	27.567.395.789
Tăng trong năm	184.634.305.136	1.894.280.599	186.528.585.735
Tăng do mua trong năm	5.224.305.136	1.894.280.599	7.118.585.735
Tăng khác (i)	179.410.000.000	-	179.410.000.000
Giảm trong năm	6.861.705	5.344.014	12.205.719
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	6.861.705	5.344.014	12.205.719
Tại ngày 31/12/2009	209.780.304.398	4.303.471.407	214.083.775.805
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	14.816.079.242	1.171.897.151	15.987.976.393
Tăng trong năm	4.358.009.214	683.326.464	5.041.335.678
Khấu hao trong năm	4.358.009.214	683.326.464	5.041.335.678
Giảm trong năm	1.715.426	534.402	2.249.828
Giảm khác	1.715.426	534.402	2.249.828
Tại ngày 31/12/2009	19.172.373.030	1.854.689.213	21.027.062.243
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	190.607.931.368	2.448.782.194	193.056.713.562
Tại ngày 31/12/2008	10.336.781.725	1.242.637.671	11.579.419.396

(i) Chi phí để có quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao của dự án thành lập mạng lưới cáp quang quốc tế từ Châu Mỹ đến Châu Á nhằm nâng cao khả năng đường truyền internet của Châu Á do Công ty Asia America Gateway (“AAG”) quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Bắc (FTN)	48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam (FTS)	Lô 37 - 39A, đường số 19, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Tầng 1, Phòng G6, tòa nhà Etown số 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC) (*)	408 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	27,22%	Cung cấp dịch vụ Game online
Công ty TNHH Truyền thông FPT (FCOM)	48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	100%	Cung cấp các dịch vụ quảng cáo thương mại, tiếp thị trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác

(*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần FPT Online (FOC) (sở hữu 27.22%), tuy nhiên theo thỏa thuận Công ty có hơn 50% quyền biểu quyết. Theo đó, Công ty Cổ phần FPT Online (FOC) thuộc sự kiểm soát của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần FPT Online (FOC) được hợp nhất trong báo cáo tài chính này.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2009
	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (*)	5.318.932.264
	5.318.932.264

(*) Là khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Visky ("Visky"), công ty liên kết. Tổng giá trị đầu tư là 6.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Visky là 25%.

Thông tin tài chính tóm tắt chưa được kiểm toán về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2009	2008
	VND	VND
Tại ngày 1/1	111.204.632.053	2.453.391.079
Tăng trong năm	115.070.570.569	112.419.470.405
Phân bổ trong năm	(24.155.846.981)	(3.668.229.431)
Giảm khác (i)	(160.947.796.443)	-
Tại ngày 31/12	41.171.559.198	111.204.632.053

(i) Là khoản góp vốn để có quyền khai thác đường truyền internet của dự án AAG (Asia America Gateway) (một dự án cáp quang nối liền Châu Á và Châu Mỹ). Tháng 11 năm 2009, dự án đã hoàn thành và bắt đầu hoạt động, do vậy khoản góp vốn này được phân loại sang tài sản cố định vô hình như đã trình bày tại thuyết minh số 9.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.923.260.822	6.561.546.784
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	976.481.496	2.308.509
Thuế xuất, nhập khẩu	462.737.164	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	102.859.625.231	2.292.130.656
Các loại thuế khác	6.414.069.181	12.662.324.560
	119.636.173.894	21.518.310.509

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009
	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	71.130.389.755
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ii)	20.812.253.204
	91.942.642.959

(i) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng ngày 15/05/2009, hạn mức vay 150 tỷ đồng, thời gian vay 30 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được sử dụng để đầu tư tài sản cố định. Lãi suất áp dụng trong năm 2009 là 9%/năm (ngày 15/11/2009 tăng lên 11%/năm, lãi suất được thay đổi 6 tháng/lần). Trả nợ gốc vay 6 tháng/lần, lãi vay trả cuối kỳ. Khoản vay này được hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quyết định 443/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và được vay tín chấp.

(ii) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2009. Hạn mức vay 120 tỷ đồng, thời gian vay tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011, mục đích vay nâng cao mạng lưới. Lãi suất áp dụng cho khoản nhận nợ đầu tiên là 12%/năm, mỗi lần nhận nợ sẽ được áp dụng một lãi suất tại thời điểm nhận nợ. Trả nợ gốc chia làm 6 kỳ trả nợ đều nhau, 3 tháng/ kỳ trả nợ. Khoản vay được hỗ trợ lãi suất 4% theo Quyết định 443/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là thiết bị kết nối, cấp các loại, thiết bị hạ tầng trị giá 180.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được trả nợ theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2009</u>
	VND
Trong vòng một năm	112.754.896.164
Trong năm thứ 2	91.942.642.959
	<u>204.697.539.123</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	112.754.896.164
Số phải trả sau 12 tháng	<u>91.942.642.959</u>

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là: 39.472.917.929 VND và 4.544.171.000 VND, theo Thông báo ngày 10 tháng 2 năm 2010 và ngày 7 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị và theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu tháng 3 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VỐN CỔ ĐÔNG****Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đồng thiểu số	Tổng cộng vốn cổ đông
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2008	156.377.400.000	(27.000.000)	-	-	153.709.768.057	310.060.168.057	33.958.620.235	344.018.788.292
Phát hành cổ phiếu	159.602.810.000	-	-	-	-	159.602.810.000	650.000.000	160.252.810.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	241.851.131.186	241.851.131.186	20.231.045.882	262.082.177.068
Mua cổ phiếu quỹ	-	(49.180.000)	-	-	-	(49.180.000)	(375.000.000)	(424.180.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	108.412.850.000	-	-	-	(108.412.850.000)	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	41.775.942.721	(42.287.942.721)	(512.000.000)	-	(512.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(362.867.628)	(362.867.628)
Cổ tức	-	-	-	-	(45.802.543.840)	(45.802.543.840)	(16.403.300.000)	(62.205.843.840)
Mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(2.296.048.442)	(2.296.048.442)
Lỗ từ việc tăng lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(156.990.901)	(156.990.901)	159.283.250	2.292.349
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	4.886.929	-	-	4.886.929	-	4.886.929
Số dư tại ngày 01/01/2009	424.393.060.000	(76.180.000)	4.886.929	41.775.942.721	198.900.571.781	664.998.281.431	35.561.733.297	700.560.014.728
Vốn góp	169.584.040.000	-	-	-	-	169.584.040.000	1.297.000.000	170.881.040.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	409.917.406.995	409.917.406.995	40.377.111.999	450.294.518.994
Mua cổ phiếu quỹ	-	(824.210.000)	-	-	-	(824.210.000)	(333.000.000)	(1.157.210.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	(40.975.842.065)	(40.975.842.065)	(4.017.933.383)	(44.993.775.448)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(41.313.855.036)	41.313.855.036	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	18.730.000	-	(462.087.685)	(11.249.762)	(454.607.447)	(29.580.846)	(484.188.293)
Cổ tức	-	-	-	-	(360.346.290.129)	(360.346.290.129)	(36.484.380.127)	(396.830.670.256)
Lỗ từ việc tăng lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	1.799.244.019	1.799.244.019	-	1.799.244.019
Biến động khác	-	-	(4.886.929)	-	(1.499.367.565)	(1.504.254.494)	84.631.089	(1.419.623.405)
Số dư tại ngày 31/12/2009	593.977.100.000	(881.660.000)	-	-	249.098.328.310	842.193.768.310	36.455.582.029	878.649.350.339

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VỐN CỔ ĐÔNG (tiếp)**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 3 năm 2009, Công ty đã thực tế phát hành 16.958.404 cổ phiếu trong năm 2009 để tăng vốn điều lệ của Công ty. Một phần số cổ phiếu này cũng đã được sử dụng để thực trả cổ tức năm 2008.

Trong năm, Công ty đã mua lại 82.421 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo điều lệ của Công ty và bán ra 1.873 cổ phiếu ưu đãi từ nguồn cổ phiếu quỹ cho ông Bùi Ngọc Sơn.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 593.977.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy đăng ký		Vốn đã góp tại ngày			
	kinh doanh		31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Ông Trương Gia Bình đại diện	29.767.467	50,12%	29.767.467	50,12%	21.262.477	50,10%
2. Công ty Cổ phần FPT - Ông Lê Quang Tiến đại diện	24.724.119	41,62%	24.724.119	41,62%	18.461.130	43,50%
3. Các cổ đông khác	4.906.124	8,26%	4.817.958	8,11%	2.708.081	6,38%
	59.397.710	100 %	59.309.544	99,85 %	42.431.688	99,98 %
Cổ phiếu quỹ	-	0,00%	88.166	0,15%	7.618	0,02%
	59.397.710	100 %	59.397.710	100 %	42.439.306	100 %

17. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 3 năm 2009, Công ty dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2008 với số tiền 84.878.612.000 đồng, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.000 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, Công ty dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu là 169.757.224.000 đồng, trong đó một số cổ đông nhận trực tiếp bằng cổ phiếu (trong đó Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nhận 8.504.990 cổ phiếu) và một số cổ đông dự kiến nhận bằng tiền mặt với giá trị tương đương 12.864.170.000 đồng (1.286.417 cổ phiếu). Các cổ đông nhận bằng tiền mặt sẽ nhường quyền mua cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Công ty làm việc từ 2 năm trở lên và cán bộ nhân viên Công ty có thành tích kinh doanh trong năm 2008. Quyền mua cổ phiếu của cán bộ nhân viên được thông qua: phát hành 196.200 cổ phiếu ưu đãi với giá bán bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu) và 1.090.217 cổ phiếu phổ thông cho cán bộ nhân viên Công ty có đầy đủ điều kiện.

Trong năm, Công ty thực hiện 2 đợt tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt. Thông báo đợt 1 ngày 15 tháng 5 năm 2009, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 10% (1.000 đồng/cổ phiếu), thời gian thanh toán từ ngày 27/05/2009. Thông báo đợt 2 ngày 04 tháng 11 năm 2009, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 15% (1.500 đồng/cổ phiếu), thời gian thanh toán từ ngày 25 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. DOANH THU THUẦN TỪ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.864.851.449.895	1.309.722.197.364
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	12.562.331.045	6.873.767.698
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.852.289.118.850	1.302.848.429.666
Các khoản giảm trừ	(13.328.590.582)	(10.538.045.215)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(13.328.590.582)</i>	<i>(10.538.045.215)</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.851.522.859.313	1.299.184.152.149

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	9.351.299.684	4.936.323.765
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	682.356.596.143	553.011.293.799
	691.707.895.827	557.947.617.564

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	24.290.341.680	33.587.842.205
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.410.897.390	1.345.461.802
Doanh thu hoạt động tài chính khác	45.568.212	58.551.827
	32.746.807.282	34.991.855.834

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.424.055.677	3.672.076.163
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	9.228.016.292	6.631.428.116
Chi phí hoạt động tài chính khác	320.475.382	615.864
	13.972.547.351	10.304.120.143

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ****Chi phí bán hàng**

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí nhân công	73.398.203.268	53.346.231.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.077.733.106	10.075.657.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.375.413.097	11.221.303.346
Các chi phí khác	41.168.694	-
	96.892.518.165	74.643.192.371

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí nhân công	158.052.954.517	121.510.441.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.369.097.940	113.277.350.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.264.950.241	28.552.161.766
Các chi phí khác	89.291.402.429	69.240.588.048
	539.978.405.127	332.580.542.080

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	540.031.045.004	356.889.014.772
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(44.112.306.148)	(376.048.439)
Cộng: chi phí không được khấu trừ	1.347.098.570	-
Cộng: doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	131.272.852.397	-
Thu nhập chịu thuế	628.538.689.823	356.512.966.333
Thuế suất thông thường	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.134.672.456	99.823.630.573
Trừ: thuế thu nhập được giảm trừ (*)	(34.579.933.345)	(5.016.792.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	122.554.739.111	94.806.837.704
Thuế thu nhập hoãn lại	(32.818.213.101)	-
	89.736.526.010	94.806.837.704

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

(*)Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của một số công ty con của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp nhỏ và vừa và do đó các công ty này được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý IV của năm 2008 và cả năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

Lợi nhuận

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	409.917.406.995	241.851.131.186
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	409.917.406.995	241.851.131.186
<u>Số cổ phiếu</u>		

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	52.296.635	40.975.022
<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>		

	2009	2008
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.838	5.902

25. CÁC KHOẢN CAM KẾTCác khoản cam kết thuê hoạt động

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	24.511.004.288	19.491.953.783
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.706.383.600	56.313.851.305
Sau năm năm	684.238.500	34.375.878.450
	37.901.626.388	110.181.683.538

Các hợp đồng lớn đã ký kết tại ngày 31/12/2009 nhưng chưa thực hiện:

TT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Chủng loại hàng hóa	Giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế) (VND)		Thời hạn thực hiện
1	04.2009	18/11/2009	Thiết bị Cisco	3.134.263.456		08 tuần
2	09110205	02/11/2009	Expansion For MX, E120	14.337.002.284		07 tuần
3	496.03.09/HĐKT	10/12/2009	Cisco	3.187.413.736		10/2/2010
4	558.03.09/HĐKT	30/12/2009	Cisco	8.134.914.854		28/2/2010
5	559.03.09/HĐKT	30/12/2009	Cisco	5.301.629.116		28/2/2010
6	01.09-FOnline.HCM/HDMB - FOXSG	10/12/2009	Server HP	2.778.547.200		31/1/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn FPT - Trụ sở chính tại Hà Nội		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	62.629.890.000	46.408.500.000
Góp vốn	-	69.101.400.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.398.798.816	3.315.228.289
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	4.472.682.225	135.063.671.915
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.353.450.876	991.448.381
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	6.382.633.660	7.554.846.749
Công ty cổ phần Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.272.445.000	2.506.520.232
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	3.050.123.486	-
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.918.158.890	-
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	392.859.093	28.159.008.958
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	724.085.975	-
Công ty cổ phần Elead		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.027.965.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công nợ phải thu		
Tập đoàn FPT - Trụ sở chính tại Hà Nội	33.000.000	381.150.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	17.842.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	6.600.000	-
Công nợ phải trả		
Tập đoàn FPT - Trụ sở chính tại Hà Nội	4.690.301.468	41.596.187.084

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Thông báo ngày 10 tháng 2 năm 2010 và ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con quyết định sẽ chi từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền tương ứng là: 22.907.055.000 VND và 4.544.171.000 VND trong năm 2010. Theo đó, Công ty và công ty con đã ghi nhận một khoản phải trả cán bộ công nhân viên với số tiền tương ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngày 27 tháng 1 năm 2010, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh mới, chủ sở hữu của Công ty TNHH một thành viên Viễn thông FPT Miền Trung (FTM), đặt trụ sở tại Đà Nẵng được chuyển từ Công ty TNHH một thành viên Viễn thông FPT Miền Nam sang Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2008	31/12/2008
	(Phân loại lại)	(theo báo cáo hợp nhất đã kiểm toán năm trước)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20.333.634.895	67.569.901.776
Doanh thu chưa thực hiện	47.236.266.881	-
